

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v xác định cha cho con theo quy định
của pháp luật về hôn nhân và gia đình

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình
tham gia phiên họp: Ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 30/2024/TLST-VDS ngày 16 tháng 12 năm 2024 về việc: “*Yêu cầu xác định cha cho con*” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2025/QĐST-VHNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025 và Thông báo hoãn phiên họp số: 123/TB-TA ngày 22/01/2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ông Ngô Văn M, sinh ngày 10/10/1975; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Lưu Đức D, sinh năm 1941 (chết năm 2019); nơi cư trú trước khi chết: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Bà Lưu Thị T, sinh năm 1950; nơi cư trú: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin vắng mặt.

- **Người làm chứng:**

1. Bà Lưu Thị L, sinh năm 1963; nơi cư trú: Khu phố A, phường E, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. Bà Lưu Thị H, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số G đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

3. Ông Lưu Văn T1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số A đường H, Phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

4. Ông Lưu Đức D1, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số C đường L, phường A, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin vắng mặt.
5. Bà Ngô Thị H1, sinh năm 1952; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
6. Bà Ngô Thị H2, sinh năm 1955; nơi cư trú: thôn K, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
7. Bà Hoàng Thị Y, sinh năm 1960; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
8. Bà Nguyễn Thị D2, sinh năm 1953; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
9. Ông Trần Đình M1, sinh năm 1959; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
10. Ông Trần Minh K, sinh năm 1957; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.
11. Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu xác định cha cho con đẻ ngày 16/12/2024, Bản tự khai và quá trình giải quyết ông Ngô Văn M trình bày:

Mẹ ông là bà Ngô Thị L1, sinh năm 1944, đã chết vào năm 2021 có thời gian sống với bố ông là ông Lưu Đức D, sinh năm 1941, đã chết năm 2019. Bố mẹ ông chung sống với nhau từ năm 1972 đến năm 1976 tại xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình và sinh ra ông mà không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn. Khi sinh ông ra, mẹ ông lấy họ Ngô của mẹ đẻ khai sinh cho ông chứ không lấy họ Lưu của bố Lưu Đức D. Lúc ông còn nhỏ nên không biết lý do vì sao bố mẹ ông không chung sống với nhau, đến khi lớn lên ông thấy ông D vẫn thường đến thăm ông khi có dịp và ông vẫn thường xuyên về nhà ông D tại xã L phụ giúp cày, cấy ruộng vườn khi mùa đến hoặc khi ông D cần việc. Năm 2019 ông D chết thì ông M đến chịu tang cho ông D với tư cách là con trưởng được hàng xóm và họ tộc đều biết. Từ khi ông D chết cho đến ngày giỗ của ông D hằng năm thì ông M2 đều về nhà ông D làm lễ cúng giỗ và được các cô dì chú bác anh em họ tộc đều thừa nhận ông là con đẻ của ông Lưu Đức D. Hiện nay, cả mẹ ông là bà Ngô Thị L1 và ông Lưu Đức D đã chết nên ông mong muốn tìm lại cội nguồn của mình để đổi họ theo bố đẻ là họ L2 để làm tròn chữ hiếu với tổ tiên ông bà. Về mối quan hệ huyết thống theo dòng cha. Ông bà nội của ông M sinh ra gồm có ông Lưu Đức D3, ông Lưu Văn T2, ông Lưu Đức D, bà Lưu Thị L3; anh, chị em ruột của ông D đã chết; chỉ có bà Lưu Thị T, là em gái của ông D còn sống. Do ông Lưu Đức D chết đã lâu nên anh, chị em trong gia đình không

mong muốn lấy mẫu ADN của ông **D** để so sánh. Vì vậy, ông **M** yêu cầu Toà án xác định ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 là cha đẻ của ông **Ngô Văn M**.

- *Tại Đơn trình bày sự việc và **B** tự khai của bà **Lưu Thị T**, trình bày:* Anh ruột bà là ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 (đã chết năm 2019) từ năm 1972 đến năm 1975 có tình cảm và sinh sống cùng với bà **Ngô Thị L1**, sinh năm 1944 (đã chết năm 2021) và sinh được một người con chung tên là **Ngô Văn M**, sinh ngày 10/10/1975. Năm 1975, ông **D** rời quê hương lên vùng kinh tế mới tại **xã L, huyện B** để tăng gia sản xuất và sinh sống từ đó cho đến lúc chết. Lúc này, ông **D** không còn sống chung cùng với bà **L1** và con chung sinh ra được khai sinh lấy họ của bà **L1** là họ Ngô. Từ năm 2000, khi ông **M** đã lớn thì ông **D** thông báo với họ hàng là ông **Ngô Văn M** là con ruột của ông **D** với bà **L1** và được cả dòng tộc, họ hàng thừa nhận. Từ đó cho đến nay, ông **M** thường xuyên về nhà ông **D** để giúp đỡ mọi việc trong cuộc sống. Năm 2019, ông **D** chết thì ông **M** về chịu tang với tư cách con trai trưởng và từ đó cho đến nay ngày giỗ của ông **D** thì ông **M** đều lo hương khói, cúng lễ theo phong tục. Ông **Ngô Văn M** yêu cầu Toà án xác định ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 là cha đẻ của ông.

- *Tại Đơn trình bày sự việc và Bản tự khai của bà **Lưu Thị H**, bà **Lưu Thị L**, ông **Lưu Văn T1** và ông **Lưu Đức D1** (tất cả các ông, bà đều là con đẻ của ông **Lưu Văn D4**) đều trình bày:* Chú ruột của ông, bà là ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 (đã chết năm 2019) có tình cảm với bà **Ngô Thị L1**, sinh năm 1944 (đã chết năm 2021) và có sinh được một người con chung tên là **Ngô Văn M**, sinh ngày 10/10/1975. Gia đình, dòng tộc, họ hàng ai cũng thừa nhận ông **Ngô Văn M** là con trai của ông **Lưu Đức D**. Lúc ông **D** còn sống vào các ngày giỗ, ngày tết ông **M** đều có mặt; nhà ông **D** có công việc ruộng, vườn ông **M** đều tham gia làm. Năm 2019, ông **D** chết thì ông **M** về chịu tang với tư cách con trai trưởng và từ đó cho đến nay ngày giỗ ông **D**, ông **M** đều lo hương khói, cúng lễ theo phong tục. Ông **M** có nguyện vọng xác định ông **Lưu Đức D** là cha đẻ nên các ông, bà đề nghị Tòa án công nhận ông **Lưu Đức D** là cha đẻ của ông **Ngô Văn M**.

- *Tại Đơn trình bày sự việc và lời khai trong quá trình giải quyết, bà **Ngô Thị H1** và bà **Ngô Thị H2** khai nhận:* Chị ruột của bà là bà **Ngô Thị L1**, sinh năm 1944 (đã chết năm 2021) chung sống với ông **Lưu Đức D**, sinh năm 1941 từ năm 1972 đến năm 1976 tại **xã H, huyện B** và đã có với nhau một người con chung tên là **Ngô Văn M**, sinh ngày 10/10/1975. Sau đó không biết lý do vì sao mà bà **L1** và ông **D** không sống với nhau nữa nên bà **L1** lấy họ của bà **L1** là họ Ngô để đặt tên cho con chung với ông **D**. Sau thời gian ông **D** sinh sống nơi khác từ năm 2000 đến năm 2019, ông **D** thường xuyên lên thăm ông **M** và ông **M** cũng thường xuyên đến thăm ông **D**. Năm 2019, ông **D** chết thì ông **M** đến

chịu tang, sau này đến ngày giỗ ông **M** cũng về nhà ông **D** lo hương khói, cúng lễ cho ông **D**.

- *Tại Đơn trình bày sự việc và lời khai trong quá trình giải quyết, bà Hoàng Thị Y, bà Nguyễn Thị D2, ông Trần Đình MI, bà Nguyễn Thị Q và ông Trần Minh K đều thống nhất trình bày:* Các ông, bà là hàng xóm sống cùng ông Lưu Đức D (sinh năm 1941), hơn 30 năm có biết ông Ngô Văn M, sinh năm 1975 là con ruột của ông D. Khi nhà ông D có việc thì ông M thường xuyên đến phụ giúp ông D làm ruộng... Các ông bà tìm hiểu thì được ông D kể lại ông Ngô Văn M là con của ông D với vợ là Ngô Thị L1. Năm 2019, ông D chết các ông, bà thấy ông M đến chịu tang và sau này đến ngày giỗ, chạp thì ông M đều về cúng giỗ cho ông D.

- *Tại biên bản họp gia đình ngày 15/9/2024, bà Lưu Thị T là em ruột của ông Lưu Đức D - chủ trì cuộc họp thể hiện:* Về quản lý tài sản: Ông Lưu Đức D và vợ kể ông D đã chết nên giao cho ông Ngô Văn M là con trai có trách nhiệm bảo quản tài sản, chăm sóc cây cối, dọn dẹp nhà cửa, hương khói cho cha mẹ. Như vậy, có nghĩa gia đình, họ tộc thừa nhận ông Ngô Văn M là con đẻ của ông Lưu Đức D và bà Ngô Thị L1.

- *Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân huyện B, tỉnh Quảng Bình:* Trong quá trình giải quyết việc dân sự, Thẩm phán, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch đề nghị áp dụng khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361; khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn M và tuyên bố ông Lưu Đức D, sinh năm 1941 là cha đẻ của ông Ngô Văn M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Ông Ngô Văn M có nơi cư trú tại thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình có đơn yêu cầu Tòa án xác định cha cho con khi người cha đã chết. Vì vậy, yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch theo quy định tại khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm t khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên họp người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà **Lưu Thị T** có đơn xin vắng mặt và những người làm chứng vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người trên.

[2] Về nội dung: Theo lời khai nhận của ông **Ngô Văn M** và ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều thống nhất trình bày: Từ năm 1972 đến năm 1975, bà **Ngô Thị L1** là mẹ ông **Ngô Văn M** có tình cảm và sống chung với ông **Lưu Đức D** và sinh được một người con trai đặt tên là **Ngô Văn M**, vì điều kiện và hoàn cảnh gia đình của hai bên lúc đó, bố mẹ ông **M** chung sống với nhau không đăng ký kết hôn và khi sinh ông **M** thì bà **L1** khai sinh lấy họ của bà **L1** là họ Ngô để đặt tên cho ông **M**. Tuy nhiên, sau năm 1975 ông **D** và bà **L1** không chung sống cùng nhau nhưng ông **D** vẫn thường xuyên qua lại thăm hỏi, chăm sóc ông **M** và khi lớn lên bản thân ông **M** cũng qua lại thăm hỏi, chăm sóc ông **D**. Đến năm 2019, khi ông **D** chết thì ông **M** về chịu tang ông **D** với tư cách là con trai trưởng cũng được anh em gia đình, họ tộc thừa nhận. Để tìm về đúng cội nguồn, dòng họ nên ông **M** có nguyện vọng yêu cầu Tòa án xác định ông **Lưu Đức D** là cha đẻ của ông **Ngô Văn M**.

Quá trình giải quyết việc dân sự, em gái của ông **D** là bà **Lưu Thị T** và các anh chị em, cháu của ông **D**, bà **L1** đều xác nhận, ông **Ngô Văn M** là con đẻ của ông **Lưu Đức D**. Tất cả những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều có văn bản và ý kiến đề nghị Tòa án công nhận mối quan hệ huyết thống giữa ông **D** và ông **M**. Mặt khác, tại biên bản họp gia đình ngày 15/9/2024, với sự có mặt của tất cả những người có mối quan hệ ruột thịt của ông **Lưu Đức D** đều công nhận và thể hiện ông **Ngô Văn M** là con trai của ông **Lưu Đức D**.

Xét thấy, yêu cầu xác định cha cho con của ông **Ngô Văn M** khi người cha đã chết cần có kết quả giám định AND để làm căn cứ giải quyết yêu cầu trên cơ sở khoa học là cần thiết. Tuy nhiên, dựa trên các nguồn chứng đã được thu thập có trong hồ sơ việc dân sự, biên bản xác nhận của gia đình, dòng tộc, lời khai nhận của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng đều thừa nhận ông **Ngô Văn M** là con đẻ của ông **Lưu Đức D** là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với sự thật khách quan, không bị lừa dối, ép buộc và không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên được thừa nhận và không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, yêu cầu của ông **Ngô Văn M** là có căn cứ cần được chấp nhận.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông **Ngô Văn M** phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Người yêu cầu và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39; Điều 361, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 90, khoản 2 Điều 101 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Ngô Văn M về việc “Yêu cầu xác định cha cho con”

Công nhận ông Lưu Đức D, sinh năm 1941 (chết năm 2019); nơi cư trú cuối cùng trước khi chết: thôn P, xã L, huyện B, tỉnh Quảng Bình là cha đẻ của ông Ngô Văn M, sinh ngày 10/10/1975; nơi cư trú: thôn T, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Bình.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Ông Ngô Văn M phải nộp 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng lệ phí ông M đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002773, ngày 16/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình. Ông Ngô Văn M đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định trong thời hạn 10 ngày; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- TAND Quảng Bình;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bố Trạch.
- Người yêu cầu; NCQLNVLQ ;
- UBND xã Liên Trạch và xã Hưng Trạch;
- Lưu HS, Lưu TA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Lan Phương